

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HSST

Ngày: 26/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Hôi thâm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Nguyễn Chí C** (tên gọi khác: N), sinh ngày 07 tháng 3 năm 1994 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B384/154 đường A, Phường E, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Sửa máy lạnh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1968 (chết) và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1972; chưa có vợ con; tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 31/01/2019; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/4/2010, bị Công an Phường E, Quận 4 đưa đi cai nghiện tại trường giáo dưỡng Long Thành Đồng Nai theo Quyết định số 1544/QĐ-UB-NC ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND Quận 4, ngày 30/12/2011 về địa phương; bị bắt tạm giam ngày 24/10/2019 “ Có mặt”.

2/ Họ và tên: **Trần Mỹ H** (tên gọi khác: B), sinh ngày 17 tháng 10 năm 2001 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B334/4C đường A, Phường E, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; chỗ ở: 670/8/2 đường A, Phường E, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mỹ H1, sinh năm 1967 và bà Tạ Thị Thu H2, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2018 bị Công an Quận 4 bắt về tội “Trộm cắp tài sản”, Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/5/2019; bị bắt tạm giam ngày 24/10/2019 “ Có mặt”.

Những người tham gia tổ tụng:

- *Bị hại*: Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: 2/88 ấp C, xã H, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 360 đường L, xã G, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh. “Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 05/10/2019, Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H chơi game ở đường A, Phường B, Quận 4, sau đó H mượn xe Wave màu trắng (không rõ biển số) của bạn tên T2 (không rõ lai lịch) chở C sang Quận 7. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, H chở C về đường T, Quận 4, khi đi đến số 444 đường T, Phường M, Quận 4 thì C phát hiện thấy chiếc xe Air Blade biển số: 59M1-171.2x của ông Phạm Thanh T1 dựng bên đường dưới lề đường chiều ngược lại, ông T1 và bạn gái tên Trần Tô Trường D đang đứng trò chuyện trên lề đường. C chỉ cho H thấy và rủ H trộm cắp xe của ông T1, H đồng ý. H chở C vòng xe sang hướng bên kia đường về hướng Quận 7 và dừng cách chỗ xe ông T1 khoảng 5 – 7 m để quan sát, thấy xe ông T1 cắm sẵn chìa khóa trên xe và đèn sau xe chiếu sáng còn ông T1 và bà D thì đang đứng nói chuyện cách xa chiếc xe và không quan sát hay chú ý gì đến chiếc xe trên. Lúc này, H chở C đến sát cạnh xe của ông T1 để C leo xuống xe, còn H chạy xe về nhà, C leo lên xe Air Blade của ông T1 nổ máy chạy xe về nhà H số 670/8/2 đường A, Phường E, Quận 4. C hỏi H có biết chỗ bán xe không thì H nói không biết nên C bỏ xe lại và đưa chìa khóa xe Air Blade cho H giữ. H chở C về nhà C, ông T1 bị mất xe nên đến Công an Phường M, Quận 4 trình báo. Công an Phường E, Quận 4 tuần tra phát hiện xe gắn máy hiệu Air Blade biển số: 59M1-171.2x của ông T1 để bên hông nhà 670/8/2 đường A, Phường E, Quận 4 không người trông coi nên tạm giữ chiếc xe trên và lập hồ sơ chuyển Công an Quận 4. Ngày 22/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 mời Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H về làm việc, C và H khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe hiệu Air Blade biển số: 59M1-171.2x của ông T1 như trên. Tại Cơ quan điều tra, Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H khai nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” như trên. Lời khai của Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, người biết việc và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số: 106/KL - HĐĐG ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 4 xác định: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda loại Air Blade màu trắng-đen-bạc biển số 59M1-171.2x, số khung 2709BY066930, số máy JF27E0789109 đã qua sử dụng có giá trị là 16.300.000 (mười sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số 02/CT -VKS ngày 10/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đã truy tố các bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị hại ông Phạm Thanh T1 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, theo đơn ông T1 trình bày đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có ý kiến và yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Chí C từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Mỹ H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Về xử lý vật chứng – bồi thường dân sự: Không có gì giải quyết.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05/10/2019, các bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H lợi dụng sơ hở của bị hại Phạm Thanh T1 trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda, loại Air Blade biển số 59M1-171.2x tại trước nhà số 444 đường T, Phường M, Quận 4, có giá trị là 16.300.000 (mười sáu triệu ba trăm nghìn) đồng. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ, mục đích muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm làm xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn ở địa phương. Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo đã rủ rê nhau và cùng tham gia thực hiện tội phạm với mức độ phạm tội như sau: Bị cáo C là người rủ rê và bị cáo H đồng ý ngay. Bị cáo H là người chở bị cáo C tiến đến gần tài sản của bị hại, quan sát thấy bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản thì các bị cáo lén lút chiếm đoạt tài

sản và mang về nhà bị cáo H cất giữ để chờ người đến mua, tuy nhiên chưa kịp bán thì bị Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ tài sản. Xét, về nhân thân bị cáo Trần Nguyễn Chí C có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo C không có tiền sự nhưng có nhân thân xấu liên quan đến ma túy, từng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Đối với bị cáo Trần Mỹ H không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu về tội trộm cắp tài sản vào năm 2018, do thời điểm phạm tội và chấp hành xong bản án trên thì bị cáo dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 do đó lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm. Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc để xử phạt mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét tình tiết các bị cáo thành khẩn khai báo để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Ngoài ra, do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại Phạm Thanh T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên không có gì giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda loại Air Blade màu trắng - đen- bạc biển số 59M1 – 171.2x Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 4 đã trả lại cho bị hại Phạm Thanh T1 nên không có gì giải quyết.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo Trần Nguyễn Chí C và Trần Mỹ H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Chí C (N) và Trần Mỹ H (B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Trần Nguyễn Chí C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 107, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Trần Mỹ H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

+ Bị cáo Trần Nguyễn Chí C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

+ Bị cáo Trần Mỹ H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (1)
- CA TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy